

Bản án số: 09/2021/DS-ST
Ngày: 26 - 01 - 2021
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG - TỈNH VINH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Huỳnh Thị Chi

Ông Nguyễn Văn Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trà My - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long tham gia phiên tòa: (Không tham gia)

Trong ngày 26 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 164/2020/TLST-DS ngày 14/10/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 177/2020/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Kim C, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Nơi cư trú: số nhà S, đường P, Phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Quyết Q, sinh năm 1990 theo Văn bản ủy quyền ngày 19/8/2020 (vắng mặt)

Nơi cư trú: số nhà H, đường P, Phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long

- Bị đơn: Ông Phạm Xuân Đ, sinh năm 1968 (vắng mặt)

Nơi cư trú: số nhà N, đường P, Khóm M, Phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/8/2020 và quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Kim C trình bày:

Ngày 10/11/2015, ông Phạm Xuân Đ vay bà C số tiền 300.000.000đ, thời hạn vay 02 ngày, mục đích vay: đáo nợ Ngân hàng, có viết Biên nhận tiền đề

ngày 10/11/2015 do ông Đ viết, ký tên. Hết thời hạn vay, ông Đ không trả nợ, né tránh gặp mặt bà C. Bà C khởi kiện yêu cầu ông Đ trả bà C số tiền vay gốc 300.000.000đ và trả tiền lãi với mức lãi suất 0,75%/tháng từ ngày 13/11/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Đối với bị đơn Phạm Xuân Đ: Tòa án thông qua Văn phòng Thừa Phát Lại V tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án không nhận văn bản trình bày ý kiến của ông Đ gửi Tòa án. Tòa án cũng không tiến hành phiên hòa giải được do ông Đ vắng mặt hai lần, không có lý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Ông Nguyễn Quyết Q gửi đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông Q, xác định nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông Đ trả bà C số tiền vay gốc 300.000.000đ, tiền lãi với lãi suất 0,75%/tháng từ ngày 13/11/2015 tính tròn đến ngày 13/01/2021 là 62 tháng, thành tiền 139.500.000đ, tổng cộng nợ gốc và lãi là 439.500.000đ. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai, không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà C khởi kiện ông Đ tranh chấp hợp đồng vay tài sản vì cho rằng có quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm là có quyền khởi kiện. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại thành phố V nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long. Ông Nguyễn Quyết Q có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông Q. Ông Đ vắng mặt lần thứ hai không có lý do dù đã được triệu tập hợp lệ. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt người đại diện của nguyên đơn và xét xử vắng mặt bị đơn. Vì vậy, thủ tục tố tụng trong vụ án đảm bảo quy định tại các Điều 26, 35, 39, 186, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Hợp đồng vay tài sản số tiền vay 300.000.000đ vào ngày 10/11/2015 giữa ông Đ với bà C được thể hiện tại bản chính biên nhận tiền có chữ viết, chữ ký tên của ông Đ tại mục người nhận tiền. Theo người đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày đây chính là chữ ký tên, chữ viết của ông Đ viết, ký ra.

Tại xác nhận ngày 19/8/2020, Công an Phường T, thành phố V xác nhận ông Đ có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số nhà N, đường P, Khóm M, Phường T, thành phố V. Quá trình tiến hành tố tụng, ông Đ đã được tổng đạt, niêm yết hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu do nguyên đơn đưa ra. Căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu do nguyên đơn đưa ra cụ thể biên nhận nợ ngày 10/11/2015 nên tài liệu, chứng cứ này xem là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C, buộc ông Đ trả bà C số tiền nợ gốc 300.000.000đ.

[3] Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy Biên nhận tiền đề ngày 10/11/2015 không thể hiện nội dung thỏa thuận về lãi suất; không tài liệu, chứng cứ nào khác thể hiện hợp đồng vay ngày 10/11/2015 có lãi. Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005 thì lãi suất mà ông Đ phải trả đối với khoản nợ chậm trả là theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời hạn chậm trả tại thời điểm trả nợ. Mức lãi suất 0,75%/tháng mà nguyên đơn yêu cầu cũng chính là mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tại thời điểm trả nợ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Thời hạn hợp đồng vay theo Biên nhận tiền đề ngày 10/11/2015 là 02 ngày nên ngày 13/11/2015 là ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ được tính đến ngày 13/01/2021 theo ý kiến của nguyên đơn là 62 tháng. Tiền lãi mà ông Đ phải trả bà C như sau: $300.000.000đ \times 0,75\%/tháng \times 62 tháng = 139.500.000đ$. Tổng cộng số tiền nợ gốc và lãi ông Đ phải trả bà C là 439.500.000đ.

[4] Án phí: Buộc ông Đ nộp 21.580.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả bà C số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 92, 147, 186, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 471, 474, 476, 478 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Kim C.

Buộc ông Phạm Xuân Đ trả bà Trần Kim C tổng cộng số tiền gốc và lãi 439.500.000đ (bốn trăm ba mươi chín triệu năm trăm ngàn đồng), trong đó: nợ gốc 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng), nợ lãi 139.500.000đ (một trăm ba mươi chín triệu năm trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Án phí: Buộc ông Phạm Xuân Đ nộp 21.580.000đ (hai mươi một triệu năm trăm tám mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả bà Trần Kim C số tiền tạm ứng án phí 10.565.000đ (mười triệu năm trăm sáu mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số No 0005710 ngày 23/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh: 1;
- Viện kiểm sát: 1;
- Chi cục Thi hành án: 1;
- Đương sự: 2;
- Lưu: 5.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Vân